

QUÂN CHÍ NGUYỆN NHÂN DÂN TRUNG QUỐC TRONG CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN (1950 - 1953)

NGUYỄN VĂN BẮC*

Tóm tắt: Ngày 1/10/1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa nhân dân (CHND) Trung Hoa chính thức được thành lập do Mao Trạch Đông làm Chủ tịch. Đây là sự kiện có ý nghĩa to lớn và tác động sâu sắc trong đời sống chính trị quốc tế thời kỳ Chiến tranh Lạnh, đánh dấu sự trỗi dậy của “con sư tử Trung Quốc” (như Napoléon đã dự báo ở thế kỷ trước đó). Hơn một năm sau, khi nước Trung Quốc mới thành lập, mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn bởi tình hình trong nước và sự bao vây, cấm vận của phương Tây, nhưng Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc vẫn đưa ra quyết sách chiến lược: Xuất quân “kháng Mỹ viện Triều, bảo gia vệ quốc” (抗美援朝, 保家卫国) - tham gia chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953). Hơn 70 năm qua, những kết quả đạt được trong các công trình nghiên cứu về lịch sử cuộc chiến tranh Triều Tiên cho phép chúng ta hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan, đặc biệt là sự tham chiến của CHND Trung Hoa. Tại sao Trung ương ĐCS Trung Quốc đưa ra quyết sách chiến lược chi viện Triều Tiên chống Mỹ? Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc được thành lập từ khi nào? Sự tham chiến của Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc có ý nghĩa như thế nào đối với kết cục của Chiến tranh Triều Tiên và để lại bài học gì đối với Việt Nam? Góp phần làm sáng rõ vấn đề nêu trên là mục đích của bài viết này.

Từ khóa: Quân Chí nguyện Trung Quốc, chiến tranh Triều Tiên, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Triều Tiên, Hàn Quốc, Liên Xô, Mỹ

1. Xuất phát từ lợi ích căn bản, lâu dài của quốc gia và dân tộc

Rạng sáng chủ nhật, ngày 25/6/1950, Quân đội nhân dân Triều Tiên bất ngờ vượt vĩ tuyến 38⁰ tấn công toàn diện lãnh thổ Đại Hàn Dân quốc, chiến tranh Triều Tiên chính thức bùng nổ. Hai ngày sau (27/6), Mỹ điều lực lượng không quân và hải quân đóng tại Nhật Bản đến Triều Tiên, toàn lực chi viện và hỗ trợ Quân đội Hàn Quốc tác chiến. Ngày 17/7/1950, Mỹ gây sức ép Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ra Nghị quyết thành lập “Quân đội Liên hợp quốc”⁽¹⁾ và Tướng Mac Arthur (Tư lệnh Bộ Tư lệnh Quân đội Mỹ ở Viễn Đông) được bổ nhiệm làm Tổng Tư lệnh, tiến hành can thiệp vũ trang vào cuộc chiến tranh Triều Tiên⁽²⁾. Không lâu sau đó, Tổng thống Lý Thừa Vãn trao toàn quyền chỉ huy quân đội Hàn Quốc cho Mỹ. Mục đích tham chiến của Mỹ không dừng lại ở việc giúp chính quyền Nam Triều Tiên tránh khỏi nguy cơ bị tiêu diệt trước sức mạnh tiến công của

ThS. Viện Lịch sử Quân sự - Bộ Quốc phòng

quân đội Bắc Triều Tiên, mà còn muốn giành quyền không chế toàn bộ bán đảo này, thiết lập căn cứ quân sự làm bàn đạp để ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản, đối tượng chính là Liên Xô và Trung Quốc. Henry Kissinger nhấn mạnh: Quyết định của Tổng thống Harry S. Truman đã biến cuộc chiến tranh này thành cuộc “đấu đầu Trung - Mỹ”⁽³⁾.

Đến giữa tháng 10/1950, dưới sự chỉ huy của Tướng Mac Acthur “Quân đội Liên hợp quốc” từng bước đẩy lui quân đội Bắc Triều Tiên, giành lại những khu vực đã mất, vượt qua vĩ tuyến 38⁰, mở rộng tiến công lên phía Bắc. Tổng thống Truman chỉ thị cho Tướng Mac Acthur: Nếu không gặp phải sự đề kháng của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc hoặc quân đội Nga thì khẳng định là nắm chắc thắng lợi, tiêu diệt hoàn toàn Bắc Triều Tiên, phải đẩy mạnh tiến công đến sông Áp Lục, áp sát biên giới Trung Quốc, uy hiếp Trung Quốc đại lục. Tính đến ngày 10/11/1950, máy bay Mỹ đã 88 lần ném bom khu vực biên giới Trung - Triều, khiến 8 người chết, 44 người bị thương, phá hủy nhiều nhà cửa, cơ quan quân sự⁽⁴⁾. Đối với Chính phủ CHND Trung Hoa, những hành động của Mỹ được xem là sự xâm lược và đe dọa nghiêm trọng chủ quyền an ninh quốc gia; đồng thời, việc Mỹ và lực lượng liên quân can thiệp vũ trang vào chiến tranh Triều Tiên đã trực tiếp cản trở sự nghiệp giải phóng Đài Loan, thống nhất quốc gia của nhân dân Trung Quốc.

Ngày 27/6/1950, Mỹ điều Hạm đội 7 tại Philippines tiến vào eo biển Đài Loan; không quân Mỹ cũng lập tức được điều tới Đài Loan. Khi đó, Tổng thống Truman công khai mục đích hành động này như sau: “Tôi lệnh cho Hạm đội 7 ngăn chặn bất cứ thế lực nào muốn tiến công Đài Loan và chính thức nêu lên yêu cầu cần phải khôi phục sự an toàn của châu Á - Thái Bình Dương, quyết định tương lai của Đài Loan, ký kết hòa ước với Nhật Bản, và đề nghị Liên hợp quốc xem xét”⁽⁵⁾.

Trước hành động trên, ngày 28/6/1950, Chủ tịch Mao Trạch Đông ra tuyên bố: “Ngày 5/11/1950, Tổng thống Truman còn nói nước Mỹ sẽ không can thiệp vào Đài Loan, nhưng ông ta tự chứng minh điều đó là giả dối. Điều này đồng nghĩa với việc Mỹ tự xé bỏ tất cả những thỏa thuận quốc tế về Trung Quốc, ngang nhiên can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc”⁽⁶⁾. Cuối tháng 9/1950, Trung ương ĐCS Trung Quốc nhận được báo cáo: Mỹ muốn đánh vượt qua vĩ tuyến 38⁰, tăng cường mở rộng Chiến tranh Triều Tiên. Ngày 30/9/1950, thay mặt Chính phủ nước CHND Trung Hoa, Thủ tướng Chu Ân Lai nghiêm khắc cảnh cáo Mỹ: “Nhân dân Trung Quốc rất mực yêu chuộng hòa bình, nhưng để bảo vệ hòa bình, phải kiên quyết không sợ chống lại chiến tranh xâm lược. Nhân dân Trung Quốc quyết không thể nhân nhượng trước sự xâm lược của nước ngoài cũng như không thể khoanh tay đứng nhìn chủ nghĩa đế quốc mặc sức xâm lược láng giềng của mình”⁽⁷⁾.

Sau cùng, trên cơ sở phân tích và đánh giá thận trọng về các mặt thống nhất quốc gia, củng cố an ninh đất nước và khôi phục nền kinh tế quốc dân, Trung ương ĐCS Trung

Quốc đưa ra quyết sách chiến lược: xuất quân “kháng Mỹ viện Triều, bảo gia vệ quốc”. Về quyết định chiến lược này, Mao Trạch Đông khẳng định: Nếu không phải quân đội Mỹ chiếm Đài Loan, xâm lược nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân (CHDCND) Triều Tiên và tấn công biên giới Đông Bắc nước chúng tôi, thì nhân dân Trung Quốc sẽ không tiến hành chiến tranh chống lại Mỹ. Thế nhưng, nước Mỹ đã tấn công xâm lược nước chúng tôi, chúng tôi không thể không đứng lên đấu tranh. Đây là “hành động tất yếu và hoàn toàn chính nghĩa”; Trung ương ĐCS Trung Quốc và Mao Chủ tịch đã phân tích tình thế một cách toàn diện, suy đi tính lại nhiều lần, xuất phát từ lợi ích căn bản, lâu dài của quốc gia và dân tộc, từ bảo vệ an ninh quốc gia và yêu cầu chi viện láng giềng chống xâm lược, đưa ra kết luận “cần phải tham chiến, bắt buộc tham chiến, tham chiến lợi ích rất lớn, không tham chiến tổn hại vô cùng⁽⁸⁾”. Bàn về vấn đề này, Henry Kissinger có sự phân tích sâu sắc: “Trung Quốc tham chiến dựa trên một đánh giá các xu hướng chiến lược được cân nhắc cẩn thận, không phải là một phản ứng đối với thủ đoạn chiến thuật của Mỹ - cũng không phải là do sự quyết tâm tuân thủ luật pháp một cách tuyệt đối bảo vệ tính thiêng liêng của vĩ tuyến 38⁰. Cuộc tấn công của Trung Hoa là một chiến dịch chiếm tiên cơ chống lại những mối nguy cơ vẫn còn chưa được cụ thể hóa, và dựa trên những phán xét về các mục đích cơ bản của Mỹ nhắm vào Trung Quốc đã bị hiểu nhầm⁽⁹⁾. Tuy nhiên, sẽ thật phiến diện và thiếu sót khi bàn về quyết định tham chiến của Trung Quốc mà bỏ qua *nhân tố Liên Xô trong Chiến tranh Triều Tiên*.”

Tính toán chiến lược liên quan đến lợi ích an ninh quốc gia của Liên Xô trong Chiến tranh Triều Tiên được phản ánh rõ qua sự kiện đại biểu nước này là Y.A. Malik được lệnh tẩy chay hai cuộc họp của Hội đồng Bảo an diễn ra vào ngày 25 và 27/6/1950 với lý do mà nhiều người trước đây tin là thật: vì không công nhận chiếc ghế của Trung Hoa Dân quốc, yêu cầu phải được thay thế bằng đại diện của nước CHND Trung Hoa⁽¹⁰⁾. Phải đến năm 2000, khi bức điện của I.V. Stalin gửi lãnh đạo Tiệp Khắc là K. Gottwald được giải mật thì mục đích và bản chất hành động trên mới được sáng tỏ: Y.A. Malik rời khỏi cuộc họp của Hội đồng Bảo an không phải chỉ vì Liên hợp quốc không công nhận nước CHND Trung Hoa là đại diện duy nhất của Trung Quốc, mà còn ẩn chứa những tính toán sâu xa của Liên Xô trong sự cạnh tranh quyết liệt với Mỹ và Trung Quốc: “Tham gia vào Chiến tranh Triều Tiên, Mỹ sẽ chôn vùi sức mạnh quân sự và uy tín quốc tế tại đó. Mỹ buộc phải chuyển trọng tâm chiến lược từ châu Âu sang Đông Á, đối đầu trực tiếp với Trung Quốc (...) Trong một thời gian nhất định, Mỹ không thể gây chiến tranh thế giới thứ ba và điều đó hết sức có lợi cho việc củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu⁽¹¹⁾.”

Như vậy, ủng hộ kế hoạch tấn công Nam Triều Tiên của Kim Nhật Thành với điều kiện đảm bảo CHND Trung Hoa tham chiến; kế hoạch đẩy Trung Quốc vào cuộc đối đầu quân sự với Mỹ; trì hoãn hỗ trợ không quân và hậu cần đối với Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc, mục đích chiến lược của I.V. Stalin là muốn kiểm soát và kiểm chế

CHND Trung Hoa; loại trừ khả năng “đôi thoại” giữa Trung - Mỹ; triệt hạ sức mạnh của Mỹ, củng cố vị trí đứng đầu thế giới của Liên Xô. Điều này phản ánh rõ, mặc dù Trung Quốc và Liên Xô có chung nền tảng ý thức hệ xã hội chủ nghĩa, là đồng minh chiến lược trong trật tự thế giới hai cực, nhưng không vì thế mà có thể phủ nhận sự tồn tại của những nghi ngờ, bất đồng, đỉnh điểm là xung đột, chiến tranh (1969) giữa hai cường quốc đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa. Ý thức hệ đã đưa Bắc Kinh và Moscow xích lại gần nhau và cũng chính ý thức hệ đã kéo họ xa nhau. Lớn hơn ý thức hệ đó là lợi ích an ninh quốc gia và trong thời đại của I.V. Stalin và Mao Trạch Đông, lợi ích an ninh quốc gia còn được gắn liền với vai trò “lãnh tụ thế giới”. Theo đó, Chiến tranh Triều Tiên là sự kiện mở đầu cho quá trình cạnh tranh quyết liệt giữa ba siêu cường Mỹ - Trung - Xô thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

2. Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc được thành lập

Để bảo vệ biên giới Đông Bắc và tiến hành chi viện Triều Tiên chống Mỹ, Trung ương ĐCS Trung Quốc quyết định tạm gác vấn đề giải phóng Đài Loan, điều chỉnh thế bố trí chiến lược quốc phòng đối với khu vực biên giới Trung - Triều. Ngày 13/7/1950, Quân ủy Trung ương chính thức đưa ra quyết định về việc bảo vệ biên phòng Đông Bắc, gồm các đơn vị do Binh đoàn 13 chốt giữ (quân đoàn 38, 39, 40, 42 và 3 sư đoàn pháo binh (1, 2, 8), 1 trung đoàn pháo cao xạ, 1 trung đoàn công binh); tổng cộng khoảng hơn 25,5 vạn quân được tổ chức thành Bộ đội Biên phòng Đông Bắc⁽¹²⁾. Đầu tháng 8/1950, Bộ đội Biên phòng Đông Bắc hoàn thành nhiệm vụ tập kết và tiến hành chỉnh huấn. Ngày 6/9/1950, Quân đoàn 50 thuộc Liên khu Trung Nam được lệnh tiến lên phía Bắc, sáp nhập vào Bộ đội Biên phòng Đông Bắc. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Mao Trạch Đông, Bộ đội Biên phòng Đông Bắc được thành lập là sự chuẩn bị cho sự ra đời của Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc.

Ngày 1/10/1950, “Quân đội Liên hợp quốc” vượt qua vĩ tuyến 38⁰, Tổng Tư lệnh Mac Acthur gửi “thông điệp cuối cùng” đến Bắc Triều Tiên, yêu cầu Quân đội nhân dân Triều Tiên phải hạ vũ khí đầu hàng vô điều kiện. Trước tình thế nguy cấp, Thủ tướng Kim Nhật Thành thay mặt Đảng Lao động và Chính phủ nước CHDCND Triều Tiên đã phát biểu trước quốc dân, bày tỏ quyết tâm thà chết bảo vệ Tổ quốc: “Nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta ngày nay là dùng máu của mình bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc”⁽¹³⁾. Ngay sau đó, Kim Nhật Thành gửi thư cho Mao Trạch Đông khẩn thiết đề nghị Trung Quốc xuất binh cứu viện. Cùng ngày, Mao Trạch Đông còn nhận được thư và điện của I.V. Stalin đề nghị hai nước Trung - Xô liên thủ chi viện Triều Tiên.

Trước sự tồn vong của nước CHDCND Triều Tiên, Chủ tịch Mao Trạch Đông chỉ đạo Trung ương ĐCS Trung Quốc vừa nghiên cứu việc xuất quân chi viện, vừa tranh thủ biện pháp ngoại giao nhằm kéo dài thời gian chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng tham chiến khi thời

cơ đến. Ngày 3/10/1950, Thủ tướng Chu Ân Lai cho mời Đại sứ Ấn Độ tại Trung Quốc là K.M.Panikkar đến gặp và muốn thông qua nhân vật này gửi lời cảnh cáo đến Washington: “Ý đồ của Mỹ là vượt qua vĩ tuyến 38⁰, mở rộng chiến tranh. Nếu quả thực như vậy, chúng tôi sẽ không thể ngồi đó và tỏ ra lãnh đạm. Chúng tôi sẽ can thiệp”⁽¹⁴⁾. Trước lời cảnh báo của Bắc Kinh, Tổng thống Truman cho rằng, Chu Ân Lai chẳng qua chỉ là muốn hù dọa Liên hợp quốc và các đồng minh Tây Âu yếu đuối của Mỹ mà thôi; Panikkar là người ủng hộ ĐCS Trung Quốc; tất cả chẳng qua chỉ là sự tuyên truyền của ĐCS Trung Quốc. Nhận định đó được củng cố “chắc chắn” hơn với sự đánh giá của Tổng Tư lệnh “Quân đội Liên hợp quốc” - Tướng Mac Arthur - khi ông ta cho rằng: “Cả Nga và Trung Quốc sẽ không can thiệp”⁽¹⁵⁾. Tin tưởng vào phán đoán đó, Mac Arthur chỉ huy “Quân đội Liên hợp quốc” mở rộng tấn công đến biên giới Trung - Triều. Tuy nhiên, các sự kiện diễn ra sau đó chứng minh, cả Truman và Mac Arthur đã đúng khi nhận xét về Nga, nhưng đã lầm khi cho rằng Trung Quốc không can thiệp. Sau này, Henry Kissinger thừa nhận: “... phía Trung Quốc đang chuẩn bị giáng một cú đấm trong khi quân Mỹ và đồng minh vẫn không hề biết đến thách thức đang đón chờ mình khi kết thúc việc tiến quân về phía Bắc”⁽¹⁶⁾.

Ngày 8/10/1950, dưới sự chỉ đạo của Mao Trạch Đông - Chủ tịch Ủy ban Quân sự cách mạng nhân dân Trung Quốc, Bộ đội Biên phòng Đông Bắc được đổi tên thành Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc, chuẩn bị sẵn sàng tiến vào Triều Tiên, chi viện nhân dân Triều Tiên chống đế quốc Mỹ xâm lược. Bộ Tư lệnh Quân Chí nguyện Trung Quốc được thành lập, Bành Đức Hoài được cử làm Tư lệnh kiêm Chính ủy; Đặng Hoa làm Phó Tư lệnh kiêm Phó Chính ủy; Hồng Học Trí, Hàn Tiên Sở làm Phó Tư lệnh; Giải Phương làm Tham mưu trưởng⁽¹⁷⁾. Quân số lúc đầu được phái sang chi viện Triều Tiên được xác định cụ thể trong nội dung bản mệnh lệnh thành lập Quân Chí nguyện: “Lực lượng Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc gồm các quân đoàn (38, 39, 40, 42) thuộc Binh đoàn 13 và các sư đoàn pháo binh (1, 2, 8) thuộc Bộ Tư lệnh Pháo binh Biên phòng. Các đơn vị cần phải lập tức hoàn thành công tác chuẩn bị, đợi lệnh xuất phát”⁽¹⁸⁾. Đến chiều tối ngày 19/10/1950, giữa lúc “Quân đội Liên hợp quốc” từ Bình Nhưỡng tiến lên phía Bắc, thì theo đúng kế hoạch tác chiến, 4 quân đoàn Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc cùng với 3 sư đoàn pháo binh và 1 trung đoàn pháo cao xạ bí mật vượt sông Áp Lục tiến vào chiến trường Triều Tiên từ ba hướng: Quân đoàn 40, vượt sông theo hướng từ bên An Đông đến khu vực Cầu Trường, Đức Xuyên, Ninh Viễn. Quân đoàn 39, từ bên An Đông, Trường Điện, một bộ phận được điều đến phòng ngự ở Tì Hiện, động Nam Thị, chủ lực tiến quân theo hướng Quy Thành, Thái Xuyên. Quân đoàn 42, từ bên Tập An, tiến quân theo hướng Xã Thương Lý, Ngũ Lão Lý. Quân đoàn 38, tiến quân sau Quân đoàn 42, vào khu vực Giang Giới. Để bảo đảm công tác vượt sông, 2 trung đoàn công binh (4, 6) được giao

nhiệm vụ sửa chữa đường sá, làm cầu đoạn từ Tập An, Lâm Giang và Sóc Châu đến Xương Thành⁽¹⁹⁾.

Quán triệt phương châm chỉ đạo của Mao Chủ tịch “Vấn đề trọng yếu là phải đứng vững, không đứng vững không được. Khi đã đứng vững rồi thì tranh thủ tất cả để giành thắng lợi”⁽²⁰⁾, ngày 25/10/1950, Quân đoàn 40 đánh trận đầu tiên với Quân đội Nam Triều Tiên - cuộc chiến tranh “kháng Mỹ viện Triều” của nước CHND Trung Hoa chính thức bắt đầu.

Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc tham chiến đã phá vỡ mọi tính toán của Mỹ. Trải qua 5 chiến dịch phản kích và tiến công, bộ đội Trung - Triều từng bước đẩy lui quân Mỹ và đồng minh về vĩ tuyến 38⁰. Sau ba năm một tháng, ngày 27/7/1953, Hiệp định đình chiến được ký kết tại Bàn Môn Điếm⁽²¹⁾ đánh dấu sự kết thúc của Chiến tranh Triều Tiên mà không có sự thay đổi đáng kể về mặt lãnh thổ giữa hai miền Nam - Bắc. Vĩ tuyến 38⁰ vẫn được bảo đảm là đường ranh giới chia cắt giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, kết quả của Chiến tranh Triều Tiên hiểu theo nghĩa rộng là một điều gì đó khác hơn là một thế hòa. Nó đã xác lập vị thế của nước CHND Trung Hoa như một cường quốc quân sự và trở thành một trung tâm của cách mạng châu Á.

Trong Chiến tranh Triều Tiên, một số nhà nghiên cứu cho rằng, phía Trung - Triều đã áp dụng chiến thuật “lấy thịt đè người” - phát huy ưu thế về sinh lực để khắc phục hạn chế về hỏa lực. Về hình thức, đó là một thực tế không thể phủ nhận. Bởi theo công bố của Trung Quốc, tính đến thời điểm ký kết hiệp định đình chiến, sau 33 tháng chiến tranh khốc liệt, tổng quân số Quân Chí nguyện được huy động tham chiến tại Triều Tiên là hơn 3 triệu 200 nghìn người⁽²²⁾. Tác giả Lý Kiện trong cuốn sách *Trung - Xô - Mỹ - Cuộc đối đầu lịch sử* đã cung cấp số liệu cụ thể: Các đơn vị Quân Chí nguyện lần lượt thay nhau sang Triều Tiên tham chiến (...) lên đến hơn 3 triệu lượt người. Trong chiến đấu hơn 360.000 người hy sinh, bị thương và mất tích; hơn 6.000 đơn vị lập công tập thể, hơn 300.000 người vinh dự nhận danh hiệu anh hùng⁽²³⁾. Tài liệu công bố của Mỹ cho biết: Từ ngày 5/7/1950 đến 27/7/1953, thương vong của quân đội Mỹ ở Triều Tiên là 136.937 người. Số thương vong của các lực lượng Liên hợp quốc khác (không kể Nam Triều Tiên) khoảng 3.000 người chết, 12.000 bị thương và 4.000 người mất tích. Tổng thất của đôi phương, ước tính số chết và bị thương, là 900.000 quân Trung Quốc và 52.000 quân Bắc Triều Tiên⁽²⁴⁾. Số liệu các bên đưa ra tuy không thống nhất, nhưng điều dễ nhận thấy là CHND Trung Hoa đã tham gia cuộc chiến tranh chi viện lán giềng với tổng quân số và sự tổn thất lớn nhất.

Tổng kết cuộc chiến tranh Triều Tiên, Chủ tịch Kim Nhật Thành - Tư lệnh tối cao Quân đội nhân dân Triều Tiên nhấn mạnh: “Nhân dân Trung Quốc anh em chẳng những đã viện trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta về vật chất và tinh thần, mà lúc nước ta ở

vào thời kỳ gay go nhất, đã trực tiếp phái đoàn quân chí nguyện bao gồm những người con ưu tú của mình sang nước ta, lấy xương máu để viện trợ chúng ta. (...) Trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế vô sản, nhân dân Triều Tiên và nhân dân Trung Quốc đã lấy xương máu kết thành tình bạn chiến đấu vĩnh viễn không gì lay chuyển nổi. Họ là một lực lượng vĩ đại không có gì chiến thắng nổi, không một kẻ địch nào có thể đánh bại được”⁽²⁵⁾.

Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc tham chiến đã trở thành nhân tố quyết định trong việc bảo vệ sự tồn tại của nước CHDCND Triều Tiên, làm phá sản kế hoạch “thống nhất Triều Tiên” của liên quân Mỹ - Hàn; đồng thời, tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội đầu tiên trong lòng nước Mỹ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, làm tăng thêm mâu thuẫn trong nội bộ phe đế quốc. Tất cả những điều này, buộc Washington phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu hòng theo đuổi mục tiêu bá chủ thế giới. Dám đương đầu với một đối thủ chiếm ưu thế tuyệt đối về vũ khí, trang bị, nắm trong tay sức mạnh của vũ khí hạt nhân, thắng lợi giành được trong chiến tranh “kháng Mỹ viện Triều” đã khẳng định sự trỗi dậy của nước Trung Quốc mới không chỉ với tư cách là nước đông dân nhất thế giới mà còn là một cường quốc quân sự. Trong Báo cáo về công tác giúp Triều chống Mỹ của Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc tháng 9/1953 đã khẳng định: “Thắng lợi đó chứng minh hùng hồn rằng: Thời đại mà từ mấy trăm năm nay quân xâm lược phương Tây chỉ cần đặt vài khẩu đại bác trên bờ biển phương Đông đã có thể chiếm được cả một quốc gia đã vĩnh viễn qua rồi”⁽²⁶⁾.

3. Kết luận

Xét từ điều kiện địa lý chiến trường, đối tượng tác chiến đến trình độ hiện đại hóa, đối với quân đội Trung Quốc, Chiến tranh Triều Tiên là một cuộc chiến hoàn toàn mới. Trong chiến đấu, Quân Chí nguyện không chỉ vận dụng linh hoạt các hình thức chiến lược, chiến thuật truyền thống, mà còn sáng tạo ra hình thức tác chiến mới, phát triển và làm phong phú thêm kho tàng lý luận quân sự, tiêu biểu như: tập trung ưu thế binh lực, thực hiện tác chiến luân phiên; triệt để lợi dụng ban đêm, sáng tạo chiến thuật đánh đêm hiệu quả; chiến thuật dao nhọn đột kích; trong tác chiến phòng ngự trận địa, lấy hệ thống địa đạo làm xương sống, sáng tạo ra chiến thuật phòng ngự và tiến công dựa vào đường hầm...⁽²⁷⁾. Đặc biệt, chiến tranh Triều Tiên đã thêm một lần nữa minh chứng cho quy luật thắng/bại trong chiến tranh: “Vũ khí là nhân tố quan trọng của chiến tranh, nhưng không phải là nhân tố quyết định, nhân tố quyết định là người chứ không phải là vật; so sánh lực lượng chẳng những so sánh lực lượng về quân sự và về kinh tế, mà còn so sánh về nhân lực và nhân tâm nữa”⁽²⁸⁾. Sau này, Henry Kissinger cũng thừa nhận: Bắc Kinh đã thành công khi sử dụng chiến tranh đi kèm với “chống Mỹ giúp Triều”. CHND Trung Hoa nổi lên từ chiến tranh, tuy kiệt quệ nhưng được định vị lại trong con mắt của cả chính họ lẫn con

mất của thế giới⁽²⁹⁾. Với ý nghĩa đó, chiến tranh Triều Tiên thực sự là cuộc kiểm nghiệm đầu tiên đối với nước Trung Quốc mới.

Đối với Việt Nam, cuộc Chiến tranh Triều Tiên và sự tham chiến của Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc để lại cho chúng ta bài học gì? Các nhà nghiên cứu lịch sử nói chung, lịch sử quân sự nói riêng ít nhiều đã có ý kiến về vấn đề này. Một trong những vấn đề thường được nhắc đến, đó là: vấn đề Độc lập - Tự chủ trong đường lối lãnh đạo đấu tranh cách mạng. Khi một quốc gia, dân tộc, vì những lý do khách quan và chủ quan, đánh mất quyền độc lập, tự chủ; trông chờ, phụ thuộc vào nước khác (cho dù là đồng minh, có chung nền tảng ý thức hệ) thì vận mệnh của quốc gia, quyền lợi của dân tộc sẽ luôn bị đe dọa và khó có thể giữ được tính độc lập, tự chủ trong đường lối, chính sách của mình. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, ngày 17/9/1972, trả lời phỏng vấn của các phóng viên tờ “Mainichi Simbung” Nhật Bản, Chủ tịch Kim Nhật Thành khẳng định quá trình thống nhất dân tộc phải dựa trên “tư tưởng chủ thể”, được thể hiện bằng “tự chủ về chính trị, tự lập về kinh tế và tự vệ về quốc phòng”⁽³⁰⁾. Kết cục cuộc Chiến tranh Triều Tiên từng là mẫu hình mà đối phương cũng như bạn đồng minh muốn áp dụng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân ta. Song, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến độc lập, tự chủ đúng đắn và sáng tạo, quân và dân ta đã phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, lần lượt giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tuy Trung Quốc và Liên Xô có viện trợ cho Việt Nam rất nhiều, nhưng họ không kiểm soát được nền chính trị của Việt Nam, càng không kiểm soát được chính sách đối ngoại của Việt Nam. Hà Nội quyết định được những chính sách đối nội và đối ngoại của họ, trong khi ở miền Nam Việt Nam, không có quyết định quan trọng nào lại được thảo ra ở Sài Gòn, mà hầu hết là ở Washington⁽³¹⁾.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

(1) Gồm 16 quốc gia: Mỹ, Anh, Pháp, Australia, Canada, New Zealand, Liên bang Nam Phi, Hy Lạp, Hà Lan, Colombia, Bỉ, Luxembourg, Thái Lan, Philippines, Thổ Nhĩ Kỳ, Ethiopia.

(2) Nguyễn Huy Quý, 2003, *Chiến tranh Triều Tiên và công cuộc bảo vệ hòa bình ngày nay*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 3, tháng 3 & 4, tr. 62-63.

(3) Henry Kissinger, 2015, *Bàn về Trung Quốc (on China)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.158.

(4) 庹平, 2013, 毛泽东对抗美援朝战争的战略指导, *军事历史*, 第 4 其, 11 页.

(5) 庹平, 2013, tldd.

(6) 庹平, 2013, tldd.

(7) 郭志刚, 2013, 对抗美援朝战争几个重大问题的认识, *战争史研究*, 第 5 期, 29 页.

(8) 蔚振文, 2013, 抗美援朝战争志愿军政治工作经验及启示, *军事历史*, 第 4 其, 29 页.

- (9) Henry Kissinger, 2015, tldd, tr.152.
- (10) Bogaturov Aleksey Demofenovich, Averkov Viktor Viktorovich, 2013, *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.153.
- (11) Nguyễn Thị Mai Hoa, 2013, *Liên Xô với cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 5, tháng 5, tr.31.
- (12) 军事科学院军事历史研究部编著, 1990, 中国人民志愿军抗美援朝战史, 军事科学出版社, 6 页.
- (13) Lý Kiện, 1992, *Sự thật về sáu cuộc chiến tranh chống xâm lược của nước Trung Hoa mới*, Cục nghiên cứu - Bộ Tổng tham mưu, tr.53.
- (14) 庾平, 毛泽东对抗美援朝战争的战略指导, 军事历史, 2013 年第 4 期, 12 页.
- (15) Peter Calvocoressi, 2007, *Chính trị thế giới sau năm 1945*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.115.
- (16) Henry Kissinger, 2015, tldd, tr.152-153.
- (17) 军事科学院军事历史研究部编著, 1990, 中国人民志愿军抗美援朝战史, 军事科学出版社, 10 页.
- (18) 军事科学院军事历史研究部编著, 1997, 中国人民解放军的七十年, 军事科学出版社, 271 页.
- (19) 军事科学院军事历史研究部编著, 1990, tldd, 15 页.
- (20) 军事科学院军事历史研究部编著, 1997, tldd, 274 页.
- (21) Hiện nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng, một số sách và tài liệu trong nước thường dịch nhầm “Bản Môn Điểm” thành “Bản Môn Điểm”. Nguyên văn tiếng Trung Quốc là: 板门店 (Bản Môn Điểm, tức Panmunjom) nằm ở phía Tây bán đảo Triều Tiên, cách vĩ tuyến 380 khoảng 5 km về phía Nam.
- (22) 中国大百科全书, 1989, 军事, 二第, 中国大百科全书出版社, 北京-上海, 1352 页.
- (23) Lý Kiện, 2008, *Trung - Xô - Mỹ - Cuộc đối đầu lịch sử*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr.241.
- (24) Department of military Art - US military academy West Point, 1978, *Operations in Korea* (Phòng Nghệ thuật Quân sự - Học viện Quân sự West Point Hoa Kỳ, *Các chiến dịch ở Triều Tiên*, tài liệu dịch tiếng Việt, lưu tại Thư viện Quân đội, tr. 41.
- (25) Viện Nghiên cứu Lịch sử thuộc Viện Hàn lâm Khoa học nước CHDCND Triều Tiên, 1965, *Lịch sử cuộc chiến tranh chính nghĩa giải phóng Tổ quốc của nhân dân Triều Tiên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 460-461.
- (26) Lý Kiện, 2008, tldd, tr.241.
- (27) 军事科学院军事历史研究部编著, 1997, tldd, 295 页.
- (28) Giải Phương, *Mấy vấn đề về tác chiến với địch ở chiến trường Triều Tiên*, tài liệu lưu tại Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự Bộ Quốc phòng, tr. 347.
- (29) Henry Kissinger, 2015, tldd, tr.161.
- (30) Kim Nhật Thành, *Về tư tưởng chủ thể và vấn đề thống nhất Triều Tiên*, tài liệu lưu tại Thư viện Viện Sử học/Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, tr.25.
- (31) Hoàng Chí Hiếu, 2017, *Thống nhất đất nước trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh: Trường hợp Đức, Triều Tiên và Việt Nam*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 7, tháng 7, tr.23.